

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 22/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang
2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 23/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 29/01/2024, đối với bị cáo:

Dương Quốc K, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số C, ấp P, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Văn G**, sinh năm: 1971 và bà **Đoàn Thị Thu S**, sinh năm: 1971; vợ: **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 2002; con: có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/12/2023 bị **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt hành chính số 541/QĐ-XPHC); bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Võ Hoài H**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **số A, khu phố M, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

2. **Nguyễn Thị Ngọc H1**, sinh năm 1985; nơi cư trú: **số A, khu phố D, phường A, thành phố M, tỉnh tiền G1**. Vắng mặt

3. **Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **Tổ F, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Có mặt

- Người chứng kiến: **Huỳnh Lê Thanh T1**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **số E, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 35 phút ngày 27/9/2023, Tổ tuần tra kiểm soát thuộc Phòng C Công an tỉnh B tuần tra trên Quốc lộ F, hướng từ vòng xoay B, Phường F, thành phố B về vòng xoay T, xã S, thành phố B. Khi đến đoạn Km14, Quốc lộ F khu vực phía trước nhà Số A, Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre phát hiện Dương Quốc K đang điều khiển xe mô tô Biển số 63B3-207.33 lưu thông cùng chiều có dấu hiệu bất thường nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Tiến hành kiểm tra, Lực lượng Công an phát hiện trên móc khóa của xe mô tô Biển kiểm soát 63B3-207.33 có 01 bóp vải, bên trong ngăn kéo phía ngoài của bóp vải có 01 túi nylon hàn kín 04 phía, 01 phía có vạch màu xanh, bên trong túi nylon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. K khai nhận túi nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá của K cất giấu để sử dụng nên Lực lượng Công an lập Biên bản sự việc và bàn giao đối tượng, tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nylon màu trắng, hàn kín 04 phía, 01 phía có vạch màu xanh bên trong túi nylon chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy; 01 Điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, trong máy gắn 02 sim, sim 1: 0329145240, sim 2: 0347534838; 01 bóp vải màu vàng có hoa văn, có dây kéo, kích thước 10cm x 8cm; 01 xe mô tô Biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc, số máy: 5P11004525, số khung: RLCN5P1108Y004525.

Dương Quốc K khai: khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/9/2023, khi đang ở nhà vợ tại Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, K điện thoại cho số thuê bao 0969651862 của đối tượng tên H (không rõ họ tên và địa chỉ đầy đủ, cụ thể) để hỏi mua ma túy, sau đó K hỏi mượn xe mô tô Biển số 63B3-207.33 của mẹ vợ tên Nguyễn Thị Hồng N điều khiển đến thành phố B. Khi đến khu vực gần vòng xoay P, K điện thoại cho đối tượng H hỏi mua 1.100.0000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) ma túy loại Methamphetamine. H hẹn gặp K và đưa cho K 01 túi nylon màu trắng, hàn kín 04 phía, 01 phía có vạch màu xanh bên trong chứa ma túy đá tại khu vực đối diện quán K1 ở xã B, thành phố B. Sau khi mua được ma túy, K điều khiển xe mô tô đi được một đoạn thì dừng xe và cất túi ma túy vào ngăn bên ngoài của bóp vải trên móc khóa của xe mô tô Biển số 63B3-207.33 rồi tiếp tục điều khiển xe lưu thông hướng về thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Khi đến đoạn Km14, Quốc lộ F khu vực phía trước nhà Số A, Ấp A, xã S, thành phố B thì K bị Lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, lập Biên bản sự việc và bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an thành phố B lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K và thu giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 745/2023/KL-KTHS ngày 05/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 2,5013 gam.

Quá trình điều tra, Dương Quốc K khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản

khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định ma túy, phù hợp các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** tiếp tục tạm giữ mẫu vật ma túy và vỏ bao gói (còn lại sau giám định); xe mô tô Biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc, số máy: 5P11004525, số khung: RLCN5P1108Y004525; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, trong máy gắn 02 sim, sim 1: 0329145240, sim 2: 0347534838 và 01 bốp vải có hoa văn, có dây kéo, bốp màu vàng, kích thước 10x8cm.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKSTPBT ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 01 bốp vải có hoa văn, có dây kéo, bốp màu vàng, kích thước 10x8cm; 02 sim, sim 1: 0329145240, sim 2: 0347534838. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh. Giao **Công an thành phố B** xe mô tô Biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc, số máy: 5P11004525, số khung: RLCN5P1108Y004525;

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Ông **Nguyễn Tấn B** trình bày: Ông có đứng tên xe mô tô Biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc nhưng ông đã bán lại cho cửa hàng xe cũ nên xe đó không còn liên quan tới ông. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/9/2023, tại Quốc lộ F khu vực phía trước nhà Số A, Ấp A, xã S, thành phố B, Dương Quốc K đã có hành vi tàng trữ trái phép 2,5013 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 2,5013 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng ngày 27/12/2023 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt hành chính số 541/QĐ-XPHC của Công an thành phố B). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; sim số: 0347534838; 01 bóp vải có hoa văn, có dây kéo, bóp màu vàng, kích thước 10x8cm.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xe mô tô biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc, số máy:

5P11004525, số khung: RLCN5P1108Y004525 để xác minh làm rõ chủ sở hữu xe và xử lý theo thẩm quyền.

Trả lại cho bị cáo sim số: 0329145240.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật. Việc Dương Quốc K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 27/9/2023 bị Công an thành phố B thử Test kết quả dương tính nên ra Quyết định xử phạt hành chính số 541/QĐ-XPHC ngày 27/12/2023 xử phạt Dương Quốc K số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Quốc K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Quốc K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì 745/2023 có chữ ký ghi tên Phan Nghĩa T2, Phan Trung T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 bóp vải có hoa văn, có dây kéo, bóp màu vàng, kích thước 10x8cm; sim số: 0347534838.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 xe mô tô Biển số 63B3-207.33, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: NOUVO, màu sơn: Đen-Bạc, số máy: 5P11004525, số khung: RLCN5P1108Y004525 để xác minh làm rõ chủ sở hữu xe và xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh.

Trả lại cho bị cáo Dương Quốc K: sim số: 0329145240.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Quốc K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Bình Phú, TP. BT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình